TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29-8-2025
V/v "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - VĨNH LONG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Lộc
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Sơn
2. Ông Võ Văn Hiện
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Phạm Văn Sỉ – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại phòng xét xử Toà án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1986. (có đơn xin vắng mặt).
Địa chỉ: số A, ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long.
Nơi ở hiện nay: ấp T, xã P, tỉnh Vĩnh Long.
- Bị đơn: Ông Võ Văn S, sinh năm 1969. (có đơn xin vắng mặt)
Nơi cư trú: số A, ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ - nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Bà T và ông Võ Văn S cưới nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới nhau vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là UBND xã T, tỉnh Vĩnh Long) vào năm 2005. Qua thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, các bên đã ly thân không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do đó bà T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà T yêu cầu được ly hôn với ông S. Bà T không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Võ Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 02/7/2005 đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án xem xét.

Bà T đồng ý để ông S được trực tiếp nuôi dưỡng Võ Nguyễn Bảo L, sinh ngày 25/6/2013 (theo nguyện vọng của Bảo L) và Võ Bảo N, sinh ngày 11/4/2023. Bà T không cấp dưỡng nuôi con. (hiện nay 2 con đang sống cùng với cha là ông S)

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Theo biên bản lấy lời khai, trong quá trình tố tụng và tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn ông Võ Văn S trình bày:

Ông S thống nhất với bà Nguyễn Thị Ngọc T về thời gian cưới nhau, kết hôn, con chung nhưng nguyên nhân mất hạnh phúc thì ông S không thống nhất và ông cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng, chỉ mới ly thân thời gian ngắn hơn 02 tháng nay. Ông S mong muốn được hàn gắn lại tình cảm vợ chồng với bà T nhưng không có phương án gì để hòa giải đoàn tụ. Ông S gọi điện thoại cho bà T thì có lúc bắt máy có lúc không nghe máy.

Trước yêu cầu của bà T thì ông S có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Ông S không đồng ý ly hôn với bà T.

Nếu có ly hôn, ông S không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Võ Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 02/7/2005 đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án xem xét.

Nếu có ly hôn, ông S đồng ý được trực tiếp nuôi dưỡng Võ Nguyễn Bảo L, sinh ngày 25/6/2013 (theo nguyện vọng của Bảo L) và Võ Bảo N, sinh ngày 11/4/2023. Ông S không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. (hiện nay 2 con đang sống cùng với ông S)

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến giải quyết vụ án cho rằng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định 203, 205, 210 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, thư ký: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 234, 236, 237, 239 đến Điều 263 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T:

- Về hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông S. Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết;

- Về con chung: Võ Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 02/7/2005 đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án xem xét.

Ông S được trực tiếp nuôi dưỡng Võ Nguyễn Bảo L, sinh ngày 25/6/2013 (theo nguyện vọng của Bảo L) và Võ Bảo N, sinh ngày 11/4/2023. Ông S không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn S, do bị đơn sinh sống tại xã T, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thụ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T và bị đơn ông Võ Văn S có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Võ Văn S cưới nhau vào 2005 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là UBND xã T, tỉnh Vĩnh Long) vào năm 2005 nên hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai bên không có thiện chí dung hòa khắc phục mâu thuẫn, không có giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xác định các bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở phù hợp tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cho bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Võ Văn S. Các đương sự không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[4] Về con chung: Võ Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 02/7/2005 đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án xem xét.

Các đương sự thống nhất giao cho ông S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng Võ Nguyễn Bảo L, sinh ngày 25/6/2013 (theo nguyện vọng của Bảo L) và Võ Bảo N, sinh ngày 11/4/2023 nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Ông S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông S trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Bà T phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Toà án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T. Cho bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Võ Văn S. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn, không có yêu cầu nên không xem xét.

- Về con chung: Võ Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 02/7/2005 đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án xem xét.

Ông S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng Võ Nguyễn Bảo L, sinh ngày 25/6/2013 và Võ Bảo N, sinh ngày 11/4/2023. Ông S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Bà T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông S trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình: Bà T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000032 ngày 10/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Như vậy án phí bà T đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 9 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Hữu Lộc